TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/DS-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

2. Bà Đỗ Thị Trúc Ly

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1221/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4385/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6113/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV M

Địa chỉ: Số A đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Bà Lâm Thị Thùy D2, trú tại: Phòng số X, tầng Y, tòa nhà số Z đường G, phường H, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 01 năm 2024). Bà D2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A1 đường B1, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Công ty Tài chính TNHH MTV M- Có bà Lâm Thị Thùy D2- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 17/8/2022, Công ty tài chính TNHH một thành viên M- Sau đây gọi tắt là Công ty M- ký Hợp đồng tín dụng số: 3503305 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Trần Thị Phương T với khoản vay trị giá 31.980.000đ (Ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi ký kết, Công ty M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà T. Theo Hợp đồng tín dụng, bà T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.027.309đ (Hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm lẻ chín đồng) trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/8/2024.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 05/02/2023 bà T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty M đã giải ngân.

Công ty M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty M cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty M.

Tính đến ngày 30/5/2024 bà T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau: Số dư nợ gốc chưa thanh toán: 25.860.243 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8.933.825 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 8.345.984 đồng; Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 715.385 đồng. Như vậy tính đến ngày 30/5/2024 tổng số tiền bà T phải tất toán là: 43.855.437 đồng.

Công ty M yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà T thanh toán ngay toàn bộ khoản vay trên cho Công ty M, đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

** Đối với Bị đơn- Bà Trần Thị Phương T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận D1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến*

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ngày 17/8/2022, Công ty tài chính TNHH một thành viên M - Sau đây gọi tắt là Công ty) và bà Trần Thị Phương T ký kết Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 3503305 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Do bà T không thanh toán đúng như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Bà T cư trú tại Quận D1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận D1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Công ty có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty về việc buộc bà T phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 25.860.243 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 17/8/2022, bà T có ký Hợp đồng với Công ty. Công ty đã giải ngân cho bà T theo đúng quy định trong Hợp đồng. Việc thỏa thuận và thực hiện Hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91, Điều 98 và Điều 108 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Sau khi được cấp tín dụng, bà T không thanh toán đầy đủ cho Công ty theo nghĩa vụ thanh toán cam kết trong Hợp đồng, số tiền gốc bà T còn nợ Công ty là 25.860.243 đồng.

Bà T thực tế có cư trú tại địa chỉ ghi trong Hợp đồng. Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, nhưng bà T không đến Tòa để giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Công ty; do đó, yêu cầu của Công ty đòi bà T trả số tiền nợ gốc 25.860.243 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Công ty về việc yêu cầu bà T trả các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024 tổng cộng là 17.995.194 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo trình bày của Công ty, do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/02/2023, Công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Công ty phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng, do đó Công ty yêu cầu bà T trả tiền các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024 là 17.995.194 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, Điều 98 và Điều 108 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Công ty Tài chính TNHH MTV M.

Buộc bà Trần Thị Phương T phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2024 là: 43.855.437 đồng theo văn bản Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 3503305 ngày 17/8/2022. Trong đó: Nợ gốc là 25.860.243 đồng, tổng nợ lãi là 17.995.194 đồng.

Kể từ ngày 31/5/2024 bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong văn bản Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 3503305 ngày 17/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Phương Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.192.772đ (Hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

Công ty Tài chính TNHH MTV M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền 805.108đ (Tám trăm lẻ năm nghìn một trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044995 ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh